

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG KHẢ NĂNG CÓ VIỆC LÀM PHI NÔNG NGHIỆP Ở NÔNG THÔN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Trần Thị Minh Phương^{1*}, Nguyễn Thị Minh Hiền²

¹*Nghiên cứu sinh, Khoa Kinh tế và Phát triển Nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

²*Khoa Kinh tế và Phát triển Nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

Email: minhphuong.822004@yahoo.com*

Ngày gửi bài: 18.06.2014

Ngày chấp nhận: 01.09.2014

TÓM TẮT

Nghiên cứu sử dụng mô hình phân tích định lượng để xem xét khả năng có việc làm phi nông nghiệp ở khu vực nông thôn Hà Nội. Ước lượng mô hình hồi quy xác suất Probit với số liệu điều tra mức sống hộ gia đình (VHLSS) lặp lại giữa hai năm 2010 và 2012. Kết quả ước lượng mô hình chỉ ra rằng trình độ đào tạo của lao động ở khu vực nông thôn Hà Nội có vai trò quan trọng trong việc tìm kiếm việc làm trả lương hoặc tự hoạt động sản xuất kinh doanh. Nếu các yếu tố khác không đổi thì 1 năm đi học gia tăng khả năng có việc làm phi nông nghiệp tăng khoảng 3%. Bên cạnh đó chương trình tạo việc làm cũng có tác động tích cực đến khả năng có việc làm phi nông nghiệp của người lao động ở nông thôn. Tăng trưởng kinh tế kéo theo sự gia tăng các doanh nghiệp ở khu vực nông thôn cũng tác động làm tăng khả năng có việc làm phi nông nghiệp.

Từ khóa: Nông thôn, cơ hội việc làm phi nông nghiệp, Hà Nội.

Factors Influencing Non-agricultural Employment in Rural Area in Hanoi City

ABSTRACT

The study employed analytical econometric model to measure the possibility of non-agricultural jobs in rural area of Hanoi. The panel 2010-2012 data of Vietnam household living standards survey were estimated using probit regression probability model. The results showed that the education level of Hanoi rural workers played a significant role in wage employment or self-employment. If number of year schooling of workers increases one year, the opportunity for getting a non-agricultural employment increases 3%. If other factors remain constant, 1% increase in schooling will lead to 3% increase in non-agricultural jobs. Besides, job creation programs also have a positive impact on opportunity of non-agricultural employment of rural workers. Economic growth leads to an increase of enterprises in rural areas as well as the possibility of finding non-agricultural jobs.

Keywords: Hanoi, rural, non-agricultural employment opportunities.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Quá trình đô thị hoá đã và đang diễn ra mạnh mẽ ở Hà Nội, nó là một trong những giải pháp quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội theo hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế đáp ứng mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Tuy nhiên, bên cạnh những tác động tích cực, vẫn còn có không ít những bất cập, tồn tại đặt ra cần phải giải quyết, đặc biệt là vấn đề

lao động - việc làm đối với một bộ phận lớn người dân rơi vào tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm khi bị thu hồi đất đai phục vụ mục tiêu đô thị hoá. Cụ thể, đô thị hóa có ảnh hưởng trực tiếp đến việc làm, thu nhập của những người dân chịu ảnh hưởng của đô thị hóa.

Lực lượng lao động đang sinh sống ở khu vực nông thôn Hà Nội chiếm tỷ lệ 60,6% tổng lực lượng lao động. Phần lớn số lao động này đang tham gia vào các hoạt động sản xuất, kinh

doanh trong các ngành nghề ở nông thôn với năng suất thấp. Quá trình đô thị hóa đặt ra yêu cầu cần thiết phải chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn gắn với sản xuất hàng hóa lớn theo hướng công nghiệp hiện đại ở Hà Nội. Tuy nhiên, vấn đề này gặp đang phải khó khăn bởi thực trạng tỷ lệ qua đào tạo của lao động đang làm việc vẫn còn thấp ở nông thôn, ở mức 19,5%; lao động làm việc trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ chiếm 63%. Công nghiệp hóa, đô thị hóa, bên cạnh những tác động tích cực, cũng đang xuất hiện những thách thức rất lớn đối với lao động nông thôn. Lao động nông thôn với trình độ, kiến thức chuyên môn nghề nghiệp, khả năng ứng dụng những thành tựu của khoa học - công nghệ mới vào sản xuất còn hạn chế do vậy cơ hội tìm được việc làm phi nông nghiệp là hết sức khó khăn. Để phân tích, đánh giá vấn đề này, nghiên cứu sử dụng mô hình hồi quy xác định vai trò của một số yếu tố đến khả năng có việc làm phi nông nghiệp của người lao động trước bối cảnh đô thị hóa ngày càng diễn ra mạnh mẽ.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Các thông tin và số liệu trong nghiên cứu này chủ yếu được thu thập từ các tài liệu đã được công bố trong nước, và từ các báo cáo có liên quan khác, từ số liệu khảo sát việc làm của lao động nông thôn ở Việt Nam và Hà Nội.

Phương pháp tiếp cận hệ thống, phương pháp thống kê mô tả và ứng dụng mô hình Probit là những phương pháp chủ yếu được sử dụng trong nghiên cứu đánh giá khả năng có việc làm phi nông nghiệp ở nông thôn.

2.1. Mô hình

Với mục đích đánh giá khả năng có được việc làm phi nông nghiệp, thì các mô hình Logit, Probit hoặc mô hình hồi quy xác suất tuyến tính đều có thể thực hiện, cả ba mô hình đều có thể sử dụng để ước lượng khả năng có được việc làm phi nông nghiệp từ những người đang làm trong nông nghiệp hoặc từ những người chưa có việc làm ở nông thôn. Bài báo này sử dụng mô hình Probit để xác định mức độ tác động của các yếu

tố Xi tới khả năng có việc làm phi nông nghiệp ở nông thôn khi yếu tố Xi xảy ra.

Giả định là Y nhận giá trị là 1 (có việc làm phi nông nghiệp) hoặc là 0 (không có việc làm phi nông nghiệp) tùy thuộc vào độ thỏa dụng I của người lao động được xác định bởi các biến độc lập, độ thỏa dụng càng lớn thì xác suất để $Y=1$ càng lớn.

Giả sử độ thỏa dụng của I được xác định như sau:

$$I = \beta_1 + \beta_2 X_i \text{ (với } X_i \text{ là các biến độc lập)}$$

Khi đó tồn tại một mức giới hạn độ thỏa dụng I^* để:

$$Y = 1 \text{ nếu } I > I^*$$

$$Y = 0 \text{ nếu } I < I^*$$

Do I^* không quan sát được, ta giả thiết $I^* = I + u$ (trong đó u là yếu tố ngẫu nhiên của mô hình)

$$\text{Khi đó } I_i^* = \beta_1 + \beta_2 X_i + u_i$$

Với các giá trị I nhỏ hơn I^* thì xác suất có việc làm phi nông nghiệp bằng 0, ngược lại nếu mỗi giá trị I của hộ gia đình lớn hơn I^* thì xác suất có việc làm phi nông nghiệp là:

$$P_i = \Pr(Y = 1 | X) = p(I_i^* < I_i) = F(\beta_1 + \beta_2 X_i)$$

Trong đó F là hàm mật độ tích lũy chuẩn hóa (CDF): $F(I_i) = \frac{1}{\sqrt{2\pi}} \int_{-\infty}^{I_i} e^{-z^2/2} dz$

2.2. Số liệu sử dụng

Số liệu sử dụng cho phân tích ở phần này được xử lý từ cuộc điều tra mức sống hộ gia đình (VHLSS) năm 2010 và 2012, do Tổng cục Thống kê thực hiện. Đây là những cuộc điều tra lớn được thiết kế nhằm tìm hiểu về tình hình thu nhập, chi tiêu, việc làm của hộ gia đình ở cả nông thôn và thành thị. Với số hộ gia đình được điều tra khá lớn và nội dung bao hàm nhiều khía cạnh khác nhau về kinh tế hộ gia đình, bộ số liệu điều tra mức sống dân cư được coi là nguồn thông tin đáng tin cậy và có thể được sử dụng cho nhiều mục tiêu nghiên cứu khác nhau. Một đặc điểm đáng chú ý nữa là ngoài điều tra về hộ gia đình cuộc điều tra này còn bao gồm cả điều tra xã, phường nơi hộ gia đình được điều tra đang sinh sống. Phiếu hỏi xã/phường bao

hàm rất nhiều nội dung khác nhau về cơ sở hạ tầng của xã, các chương trình, dự án hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội, các chỉ tiêu kinh tế xã hội cơ bản của xã/phường.

Để phân tích khả năng có việc làm phi nông nghiệp của lao động trong hộ gia đình ở nông thôn Hà Nội, nghiên cứu sử dụng số liệu VHLSS cho 2 năm gần đây nhất vì: có sự trùng lặp mẫu điều tra giữa 2 năm này do vậy có thể phân tích chính xác khả năng có việc làm phi nông nghiệp của lao động nông thôn Hà Nội; có thể dùng để phân tích ảnh hưởng về đặc điểm cá nhân và các thông tin về cộng đồng (xã, phường) nơi hộ gia đình, cá nhân được điều tra đến khả năng có việc làm phi nông nghiệp hay chuyển từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp.

Giải thích các biến sử dụng trong mô hình:

Biến Y là biến phụ thuộc:

$Y = 1$ nếu người lao động từ trạng thái chưa có việc làm phi nông nghiệp hoặc từ việc làm nông nghiệp chuyển sang việc làm phi nông nghiệp.

$Y = 0$ nếu người lao động không có việc làm hoặc việc làm trong nông nghiệp

Biến phụ thuộc Y được xác định như sau: Nếu trong năm 2010 người lao động không có việc làm hoặc làm trong nông nghiệp nhưng năm 2012 có việc làm phi nông nghiệp thì được xác định là có việc làm phi nông nghiệp hay $Y = 1$, ngược lại nếu năm 2010, người lao động không có việc làm hoặc làm trong nông nghiệp nông nghiệp và đến năm 2012 vẫn làm trong nông nghiệp hoặc không có việc làm thì $Y = 0$.

Các biến độc lập của mô hình:

Để tránh vấn đề nội sinh trong mô hình, nghiên cứu giả định việc chuyển dịch từ không có việc làm hoặc việc làm nông nghiệp sang phi nông nghiệp vào năm 2012 là do các yếu tố của năm gốc (2010) quyết định, do đó các biến độc lập trong mô hình sẽ sử dụng số liệu của thời kỳ gốc.

Tuổi (**age**) của người lao động tính theo năm, ở nông thôn tỷ lệ sử dụng lao động trẻ em là khá cao, tuy nhiên những lao động này chủ yếu là đi học vì vậy những người là học sinh đều được loại bỏ. Nghiên cứu cho rằng tuổi của

người lao động có quan hệ trực tiếp tới khả năng chuyển dịch.

Biến giới tính (**gender**) là biến giả nhận giá trị là 1 nếu lao động là nam và 0 nếu lao động là nữ. Biến Gender được đưa vào mô hình nhằm xác định xem có sự khác biệt giữa nam và nữ trong việc có việc làm phi nông nghiệp không.

Biến giáo dục (**schooling**) là biến liên tục, được tính bằng số năm đi học của lao động. Số năm đi học được tính bằng tổng số năm học phổ thông cộng với tổng thời gian đào tạo bậc cao hơn. Nghiên cứu cho rằng người có trình độ giáo dục càng cao thì khả năng đáp ứng yêu cầu công việc càng tốt và dễ tìm kiếm việc làm hơn.

Dự án tạo việc làm (**taovieclam**) được đưa vào mô hình để đánh giá tác động của chương trình dự án có quan hệ trực tiếp tới hoạt động phi nông nghiệp của hộ gia đình. Thông tin của các biến số này được thu thập từ phiếu hỏi của xã. Đây là những biến giả có giá trị là 1 nếu như xã có dự án và 0 nếu ngược lại.

Biến số doanh nghiệp (**sodn**) là biến số thể hiện số cơ sở nhà máy trong vòng bán kính 10km thuê lao động trong xã. Biến này có vai trò quan trọng trong phân tích về chính sách công nghiệp hóa và chuyển dịch lao động. Số lượng nhà máy thể hiện khả năng chuyển đổi từ lao động nông nghiệp sang lao động làm thuê phi nông nghiệp. Khi các nhà máy xuất hiện sẽ có thể tác động làm tăng số lao động làm thuê đồng thời làm tăng số lao động phi nông nghiệp tự làm thông qua việc cung cấp các dịch vụ cho các nhà máy này.

Biến tỷ trọng thu nhập từ công nghiệp và dịch vụ trong tổng thu nhập (**tytrongfnn**) phản ánh cơ cấu kinh tế trên địa bàn ảnh hưởng thế nào đến khả năng có việc làm phi nông nghiệp của người lao động.

2.3. Mô tả biến sử dụng

Sử dụng số liệu VHLSS, lựa chọn quan sát là khu vực nông thôn Hà Nội, có tuổi từ 15 trở lên, dưới đây là bảng mô tả thống kê về trung bình (Mean), độ lệch chuẩn (Std.Dev), giá trị nhỏ nhất và giá trị lớn nhất của các quan sát.

Bảng 1. Thống kê các biến sử dụng trong mô hình

Tên biến	Giải thích	Mean	Std. Dev.	Min	Max
emp_nonagr	Việc làm phi nông nghiệp	0.52	0.50	0.0	1.0
Age	Tuổi	40.26	17.72	15.0	93.0
Gender	Giới tính	0.48	0.50	0.0	1.0
schooling	Số năm học tập, đào tạo	9.67	4.09	0.0	22.0
Sodn	Số doanh nghiệp, cơ sở sản xuất	199.95	358.42	0.0	1634.0
Taovieclam	Có chương trình tạo việc làm	0.18	0.38	0.0	1.0
tytrongfnn	Tỷ trọng CN-DV trên địa bàn	1.71	0.67	1.0	3.0
Dautupt	Có dự án đầu tư phát triển	0.44	0.50	0.0	1.0

Nguồn: Tính toán của tác giả từ VHLSS

Bảng trên cho thấy, từ mẫu khảo sát có 52% người lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm phi nông nghiệp; tuổi trung bình là 40 và 48% là nữ giới.

Số năm đi học bình quân khá cao, 6,9 năm; số doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn bình quân khoảng 200 đơn vị; chỉ có 18% xã khảo sát là có dự án tạo việc làm; 44% có dự án đầu tư phát triển. Phần lớn các xã đang chuyển dịch từ nông nghiệp sang công nghiệp, dịch vụ. Giá trị của tytrongfnn càng cao thì xã đó có hoạt động theo chiều hướng công nghiệp và dịch vụ.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thực trạng việc làm theo ngành

Theo số liệu 2013 khu vực nông thôn có 2,26 triệu người làm việc, chiếm 61,79% tổng việc làm của thành phố Hà Nội. Giai đoạn 2010-

2013, tốc độ tăng việc làm nông thôn là 0,97%/năm, cao hơn tốc độ tăng lực lượng lao động nông thôn, tuy nhiên, thấp hơn rất nhiều so với tốc độ tăng việc làm chung của Hà Nội (1,35%/năm).

Giai đoạn 2010-2013 lao động trong ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản có xu hướng tăng lên đạt 891,89 nghìn người, chiếm 37,0% tổng số việc làm năm 2013.

Lao động nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản chủ yếu tập trung ở khu vực nông thôn và qui mô có xu hướng tăng lên trong những năm gần đây. Trong giai đoạn 2010-2013, lao động nông nghiệp nông thôn tăng 2,67%/năm, tuy nhiên vẫn thấp hơn so với mức tăng lao chung bao gồm cả khu vực thành thị 2,89%/năm. Kết quả, tỷ lệ lao động làm trong ngành nông nghiệp ở nông thôn năm 2010 chiếm 93,92%, giảm xuống 93,45% vào năm 2013 (833,52 nghìn người).

Bảng 2. Lao động có việc làm ở nông thôn Hà Nội phân theo ngành kinh tế

Năm	Tổng số lao động có việc làm (người)				Mức tăng/giảm bq (2010-2013) (Người)	Tốc độ tăng bq (2010-2013) (%)
	2010	2011	2012	2013		
Tổng số	2,194,195	2,108,153	2,207,450	2,254,461	20,089	0.97
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	770,302	798,623	806,071	833,524	21,074	2.67
Công nghiệp và xây dựng	798,350	685,427	749,600	753,775	(14,858)	(1.41)
Thương mại và dịch vụ	625,543	624,104	651,779	667,161	13,873	2.19

Nguồn: Số liệu điều tra lao động việc làm năm 2010, 2011, 2012, 2013 của Tạp chí kinh tế.

Về cơ cấu ngành trong khu vực nông thôn, có sự khá cân đối sự phát triển giữa các ngành. Năm 2013, ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 37% so với ngành Công nghiệp và xây dựng (33,4%) và thương mại và dịch vụ (29,6%) thì không có sự chênh lệch quá cao đối với một thành phố như Hà Nội.

Lao động ngành công nghiệp và xây dựng những năm gần đây có xu hướng giảm cả về số lượng và tỷ trọng. Trong giai đoạn 2010-2013, lao động công nghiệp và xây dựng giảm đáng kể 14,8 nghìn người. Mức giảm bình quân giai đoạn 2010-2013 của cả thành phố là 1,76% trong khi ở khu vực nông thôn 1,41%. Năm 2013, lao động ngành Công nghiệp và Xây dựng nông thôn đạt 753,7 nghìn người, chiếm 33,4% so với ngành còn lại.

Giai đoạn 2010-2013 lao động trong ngành Thương mại và dịch vụ ở nông thôn tăng khá nhanh, 13,87 nghìn người/năm và mức tăng bình quân 2,19%/năm. Số lao động ngành thương mại và dịch vụ đạt 667,1 nghìn người năm 2013. Tỷ trọng lao động ngành thương mại và dịch vụ ở khu vực nông thôn luôn được cải thiện, năm 2010 chiếm 28,5% đến năm 2013

chiếm 29,6%. Mặc dù mức tăng của khu vực nông thôn chỉ chiếm khoảng 30% (13,87 nghìn người so với 45,15 nghìn người) so với mức tăng chung của Hà Nội nhưng đó là kết quả tích cực khi có sự đóng góp của việc chuyển đổi lao động từ các ngành khác sang ngành Thương mại và dịch vụ.

3.2. Kết quả ước lượng ảnh hưởng của một số yếu tố tới khả năng có việc làm phi nông nghiệp ở nông thôn Hà Nội

Áp dụng mô hình hồi quy trên, với số liệu VHLSS lập lại giữa năm 2010 và 2012, bài báo ước lượng một số yếu tố ảnh hưởng đến khả năng có việc làm phi nông nghiệp của lao động sống ở khu vực nông thôn Hà Nội.

Kết quả ước lượng mô hình xác định khả năng có việc làm phi nông nghiệp:

Kết quả ước lượng cho thấy các hệ số đều có ý nghĩa thống kê, dấu của các hệ số ước lượng phù hợp với lý thuyết kinh tế.

Sở doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh đóng trên địa bàn mà người lao động sinh sống, có tác động tích cực tới tạo việc làm phi nông

Biến	Giải thích biến	Việc làm phi nông nghiệp	Tác động biên (dy/dx)
age	Tuổi	-0.010*** (0.003)	-0.00353
gender	Giới tính	0.255*** (0.095)	0.091364
schooling	Số năm học tập, đào tạo	0.063*** (0.014)	0.022556
sodn	Số doanh nghiệp, cơ sở sản xuất	0.000*** (0.000)	0.000161
taovieclam	Có chương trình tạo việc làm	0.267* (0.138)	0.095781
tytrongfnn	Tỷ trọng CN-DV trên địa bàn	0.331*** (0.088)	0.118691
dautupt	Có dự án đầu tư phát triển	0.293*** (0.105)	0.105104
Constant		(1.075)*** (0.274)	

Ghi chú: *** $p < 0.01$, ** $p < 0.05$, * $p < 0.1$

ng nghiệp cho lao động ở khu vực nông thôn. Nếu địa bàn có càng nhiều số doanh nghiệp hay số cơ sở sản xuất kinh doanh thì khả năng có việc làm phi nông nghiệp có xu hướng tăng.

Tỷ lệ thu nhập phi nông nghiệp trên tổng thu nhập phản ánh cơ cấu thu nhập trong nền kinh tế. Quá trình đô thị hóa nông thôn có thể làm tỷ lệ này tăng, thay vào đó là các hoạt động phi nông nghiệp được tạo ra, do vậy khả năng có việc làm phi nông nghiệp của người lao động tăng. Hệ số này mang dấu dương hàm ý nếu tỷ lệ này tăng thì tăng khả năng có việc làm phi nông nghiệp ở khu vực nông thôn Hà Nội.

Hệ số dương của biến *taovieclam* và *dautupt* cho thấy xã có các chương trình mục tiêu quốc gia như dự án tạo việc làm, có dự án đầu tư thì khả năng có việc làm phi nông nghiệp cũng cao hơn so với các xã khác. Điều này cho thấy hiệu quả của các chính sách hiện đã và đang thực hiện tại vùng nông thôn Hà Nội.

Xét về trình độ học vấn của người lao động: lao động có số năm đi học càng cao thì khả năng có việc làm phi nông nghiệp càng cao, do những người tham gia đào tạo, hay những người có kỹ năng thì kỳ vọng tìm kiếm được một công việc có thu nhập tốt hơn là làm trong nông nghiệp. Mặt khác cũng là nhu cầu của các cơ sở, doanh nghiệp đòi hỏi lao động có kỹ năng, nên việc lao động có số năm đi học càng cao thì khả năng có việc làm phi nông nghiệp càng cao, cứ một năm tăng thêm về số năm đi học so với số năm đi học bình quân của lao động ở khu vực nông thôn thì tăng khả năng có việc làm phi nông nghiệp thêm 3%.

Tuổi của người lao động ở khu vực nông thôn cũng là yếu tố ảnh hưởng đến khả năng có việc làm phi nông nghiệp. Hệ số của biến *tuoi* mang dấu âm cho thấy khả năng có việc làm phi nông nghiệp của người lao động có xu hướng giảm khi tuổi tăng. Tuy nhiên, cần xem xét ngưỡng tuổi mà người lao động khó có khả năng tìm được việc làm phi nông nghiệp. Xét về giới tính: cho thấy nam giới khả năng dịch chuyển cao hơn nữ giới, có thể do nam giới thường có sức khỏe tốt hơn, và khả năng thích nghi nhanh

với các công việc, và không vướng bận nhiều vào các công việc gia đình như chăm sóc con cái, người già,...

4. KẾT LUẬN

Như vậy, thông qua mô hình hồi quy xác suất, nghiên cứu đã chỉ ra một số kết luận sau:

Có mối quan hệ chặt chẽ giữa trình độ giáo dục của người lao động đến khả năng có việc làm phi nông nghiệp ở nông thôn Hà Nội, điều này ngụ ý trong quá trình đô thị hóa, để giúp người lao động tìm kiếm được việc làm phi nông nghiệp thì cần nâng cao trình độ cho người lao động, tiếp tục nâng cao hiệu quả của các chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Các chương trình tạo việc làm đã cho thấy hiệu quả trong việc giúp người lao động có được việc làm phi nông nghiệp, như vậy cần tiếp tục thúc đẩy các chương trình này để có nhiều lao động nông thôn Hà Nội có cơ hội việc làm hơn nữa.

Các dự án đầu tư phát triển không những đem lại hiệu quả về kinh tế mà còn đem lại hiệu quả về mặt xã hội thông qua giải quyết việc làm, đem lại cơ hội việc làm phi nông nghiệp cho lao động ở nông thôn Hà Nội.

Số doanh nghiệp trên địa bàn khu vực nông thôn đóng vai trò quan trọng tạo ra việc làm mới cho khu vực này, kinh tế tăng trưởng tốt, ổn định và môi trường kinh doanh lành mạnh giúp các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả và tạo nhu cầu về lao động trong khu vực này.

Khả năng có việc làm có sự khác biệt theo yếu tố tuổi và giới, do vậy cần có những chính sách cụ thể hỗ trợ lao động nữ và lao động nhiều tuổi có cơ hội việc làm, tiến tới sự bình đẳng trong tiếp cận việc làm trong xã hội.

Trong giới hạn của bài báo, tác giả đưa ra một số gợi mở sau đây nhằm thúc đẩy khả năng có việc làm phi nông nghiệp trong bối cảnh đô thị hóa nông thôn:

Tiếp tục mở rộng chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn Hà Nội, đặc biệt hướng tới lao động trẻ. Tuy nhiên cần phải thực hiện

khảo sát kỹ lưỡng về nhu cầu tuyển dụng và ngành nghề cần đào tạo để có thể xây dựng nghề đào tạo sao cho phù hợp nhu cầu lao động.

Tiếp tục thay đổi nội dung, chương trình và phương pháp dạy nghề theo hướng nâng cao khả năng thực hành cho người học.

Huy động nguồn lực đầu tư tạo nhiều việc làm, phát triển doanh nghiệp và chuyển dịch cơ cấu lao động: Chú trọng phát triển những ngành, lĩnh vực có khả năng thu hút nhiều lao động dựa trên lợi thế cạnh tranh của từng nơi và từng ngành.

Tạo điều kiện, môi trường thông thoáng cho các doanh nghiệp hoạt động thông qua bao tiêu sản phẩm đầu ra, hỗ trợ tín dụng ưu đãi, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách, đặc biệt là về mặt bằng, tiếp cận tín dụng chính thức, chính sách thuế, đào tạo chủ doanh nghiệp... nhằm thực hiện thành công chương trình phát triển doanh nghiệp tư nhân.

Đẩy mạnh dự án cho vay vốn tạo việc làm với lãi suất thấp từ Quỹ quốc gia, cho các cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng nhiều lao động, tập trung tạo việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Cora zon C. Quiambao (2001). Non-farm employment opportunities in rural areas in Asia- Philippines country paper. Report of the APO seminar on non-farm employment opportunities in rural areas, Philippines. Asia Productivity Organisation, Tokyo.
- Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội (2012). Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội Thành phố Hà Nội 5 năm 2011-2015, Hà Nội.
- Lanjouw P and Feder G (2001). Rural non-farm activities: From experience towards strategy, World Bank Rural Development Family, Washington, DC: World Bank.
- Nguyễn Trọng Hoài (2008). Biển phụ thuộc bị giới hạn. Chương trình giảng dạy Kinh tế Fulbright. Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.
- SophiaRabe-Hesketh, Brian Everitt (2004). A Handbook of Statistical Analyses Using Stata. 3rd ed. Boca Raton, FL: Chapman & Hall/CRC.
- Tổng Cục thống kê, Niên giám thống kê (2011). Nhà xuất bản Thống kê.
- Tổng Cục thống kê, Niên giám thống kê (2012). Nhà xuất bản Thống kê.
- Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương (2006). Các yếu tố tác động tới quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn Việt Nam. Báo cáo nghiên cứu, tr.85.